

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2025/DS-ST

Ngày: 27/5/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thuần;

2. Ông Đoàn Thanh Phong;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 605/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp TH, xã ST, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp LT, xã LA, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc Trọng T, sinh năm 2001;

Địa chỉ: 43 ô 3, khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh năm 2001;

Địa chỉ: ấp Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

(Ông An có mặt, anh T và chị T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, có đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Do quen biết nên ngày 12/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 03/3/2023 dương lịch), bà Nguyễn Thị H có cho anh Phạm Ngọc Trọng T vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, tức 2.800.000 đồng/tháng. Sau khi vay tiền anh T đã trả lãi được 05 từ tháng 03/2023 âm lịch đến tháng 7/2023 âm lịch với tổng số tiền là 14.000.000 đồng.

Từ ngày 12/8/2023 âm lịch (nhằm ngày 26/9/2023 dương lịch) anh T không trả nợ nữa dù nhiều lần bà H đòi tiền. Hiện anh T vẫn còn nợ bà H số tiền 70.000.000 đồng. Bà H khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền nợ 70.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ tháng 9/2023 dương lịch đến khi xét xử, tạm tính đến ngày nộp đơn là 14 tháng, thành tiền là 16.268.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 86.268.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyễn Ngọc Anh T2 là cháu gọi bà H là bà dì (em của bà nội). Bà H cho anh T vay số tiền 70.000.000 đồng, có biên nhận, lãi suất 4%/tháng. Việc anh T trả tiền cho T2 thì bà H không biết, cũng không có nhận tiền.

** Bị đơn anh Phạm Ngọc Trọng T trình bày:*

Trước đây anh và Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh năm 2001, địa chỉ: ấp TH, xã ST, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cùng vay bà Nguyễn Thị H số tiền 70.000.000 đồng, có lập biên nhận do anh và chị T2 cùng ký. Bà H đã giao tiền cho chị T2, lúc đó anh cũng có mặt. Số tiền này anh cùng chị T2 vay để đưa cho cha của chị T2 làm ăn, lãi suất vay 2%/ tháng. Sau khi vay anh đã trả cho bà H số tiền gốc 12.000.000 đồng, tiền lãi là 17.500.000 đồng, tổng cộng là 29.500.000 đồng. Số tiền 29.500.000 đồng anh chuyển khoản cho chị T2 để chị T2 trả cho bà H chứ anh không trực tiếp trả cho bà H.

Bà H yêu cầu anh trả số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi thì anh không đồng ý. Do anh và chị T2 cũng vay nên mỗi người có trách nhiệm trả 1/2 số nợ cho bà H. Anh chỉ còn nợ bà H số tiền gốc là $35.000.000 - 12.000.000 = 23.000.000$ đồng. Anh không đồng ý trả lãi.

Nguyễn Ngọc Anh T2 trước đây là người yêu của anh, đồng thời là cháu gọi bà H là dì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc Anh T2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T2 vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.*

** Tại phiên tòa:* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông A trình bày anh T đã trả cho bà H số tiền 29.500.000 đồng nhưng đây là tiền lãi, bị đơn chưa trả được số tiền vốn gốc nào. Số tiền lãi 29.500.000 đồng tương đương lãi suất 1,66%/tháng từ tháng 3/2023 đến khi xét xử (26 tháng) nên phía nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T2 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu anh Phạm Ngọc Trọng T trả số tiền nợ vay nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn anh T cư trú tại số 43 ô 3, khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Phạm Ngọc Trọng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc Anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A tự nguyện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh T trả số tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do quen biết nên ngày 12/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 03/3/2023 dương lịch), bà Nguyễn Thị H có cho anh Phạm Ngọc Trọng T vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, tức 2.800.000 đồng/tháng. Anh T đã trả lãi được số tiền 29.500.000 đồng thì không trả nữa, hiện vẫn còn nợ số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã giao nộp 01 bản chính Giấy cam kết. Tại Bản tự khai ngày 13/3/2025 và Biên bản hòa giải ngày 13/3/2025, anh T thừa nhận anh có cùng chị Nguyễn Ngọc Anh T2 vay bà H số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất vay 2%/ tháng. Anh T đã trả cho bà H số tiền gốc 12.000.000 đồng, tiền lãi là 17.500.000 đồng, tổng cộng là 29.500.000 đồng, anh chuyển khoản cho chị T2 để chị T2 trả cho bà H chứ anh không trực tiếp trả cho bà H.

Xét Giấy cam kết do nguyên đơn giao nộp có thể hiện nội dung anh T vay bà H số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 12/02/2023 âm lịch và tiền lãi mỗi tháng 2.800.000 đồng, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Mặt khác, anh T thừa nhận có vay bà H số tiền 70.000.000 đồng tuy nhiên anh cho rằng mình vay chung với chị T2 nên chỉ đồng ý trả 1/2 số tiền nợ gốc cho bà H nhưng anh không có chứng cứ chứng minh. Tòa án đã triệu tập chị T2 để làm rõ lời trình bày của anh T nhưng chị T2 không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Do đó, có căn cứ xác định anh T còn nợ bà H số tiền vay là 70.000.000 đồng nên cần buộc anh T có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà H.

Anh T trình bày mình đã trả cho bà H số tiền gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi là 17.500.000 đồng nhưng anh không trả trực tiếp cho bà H mà chuyển khoản cho chị T2. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông An thừa nhận anh T đã trả số tiền 29.500.000 đồng nhưng đây là tiền lãi tương đương lãi suất 1,66%/tháng từ tháng 3/2023 đến khi xét xử (26 tháng) nên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nữa, anh T chưa trả được số tiền gốc nào. Xét thấy anh H không có chứng cứ chứng minh mình đã trả một phần nợ gốc cho bà H, cũng không được phía nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày này của anh T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T20ng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc anh Phạm Ngọc Trọng T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Anh Phạm Ngọc Trọng T phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.157.000 đồng theo biên lai thu số 0008268 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thủy Uyên

